

KẾ HOẠCH

Đổi mới, phát triển các Hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2013;

Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2217/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành chương trình khung đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã và tổ hợp tác trong nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-BNN-KTHT ngày 15/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012 góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với Hợp tác xã nông nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 183/TTr-SNN-KH ngày 19/9/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đổi mới, phát triển các HTX nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

1. Tình hình xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012

a) Tình hình tuyên truyền, phổ biến Luật Hợp tác xã năm 2012

Trên cơ sở Luật Hợp tác xã (sau đây gọi tắt là HTX) năm 2012 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về HTX bằng các hình thức tuyên truyền qua hình ảnh, cuộc thi kịch sân khấu, sao chép đĩa DVD và phát hành trên Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo địa phương để cung cấp các thông tin tuyên truyền về Luật HTX năm 2012 và các hướng dẫn về thi hành Luật HTX để các HTX và người dân trên địa bàn tỉnh biết và áp dụng thực hiện theo quy định.

b) Tình hình tổ chức và hướng dẫn đăng ký hợp tác xã theo Luật HTX năm 2012

Thực hiện Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký HTX và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của HTX, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn các HTX nông nghiệp chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012, đã hoàn thành công tác chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012 đảm bảo tiến độ (trước ngày 01/7/2016).

c) Tình hình giải thể HTX nông nghiệp

Tổng số HTX nông nghiệp giải thể là 21 HTX sau khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực ngày 01/7/2013. Nguyên nhân là các hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả trong nhiều năm.

d) Tình hình cung ứng các sản phẩm, dịch vụ của HTX cho thành viên

Đến nay, chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp đã từng bước được nâng lên, cán bộ quản lý HTX và thành viên đã nhận thức được nhu cầu và mục đích của việc tham gia HTX; tính dân chủ trong HTX ngày càng thể hiện rõ nét, Hội đồng quản trị các HTX đã xây dựng quy chế hoạt động và sử dụng vốn góp theo quy định.

Nhiều HTX nông nghiệp đã chủ động liên doanh liên kết với các HTX và doanh nghiệp ở các lĩnh vực khác nhằm phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như: HTX dịch vụ, sản xuất cà phê Sáu Nhung (Đắk Hà), HTX Thần nông (thành phố Kon Tum), HTX dịch vụ Đoàn Kết (thành phố Kon Tum). Năm 2016, doanh thu của các HTX nông nghiệp đạt trên 500 triệu đồng, tăng 15% so với năm 2013.

Các HTX nông nghiệp cung cấp các dịch vụ nông nghiệp đa dạng như cung ứng giống, vật tư, phân bón đầu vào nông nghiệp, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, bảo vệ thực vật, thủy nông, tư vấn quản lý sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, làm đất bằng máy, thu hoạch lúa bằng máy...

đ) Tình hình xây dựng mô hình HTX hoạt động hiệu quả theo đúng quy định Luật HTX năm 2012

- HTX Thần nông: Liên kết sản xuất thanh long ruột đỏ tại xã Ya Chim, thành

phố Kon Tum. Được cơ quan kiểm tra đánh giá đạt tiêu chuẩn sản xuất theo VietGap.

- HTX dịch vụ sản xuất cà phê Sáu Nhung: Liên kết sản xuất cà phê bền vững tại huyện Đăk Hà với các tổ hợp tác sản xuất cà phê bền vững đã được Tổ chức thương mại thế giới cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản xuất cà phê bền vững.

- HTX dịch vụ Đoàn Kết (*thành phố Kon Tum*): Xây dựng cánh đồng lúa giống, hỗ trợ kỹ thuật, phân bón, công làm đất, làm đường giao thông vào khu sản xuất, hệ thống thủy lợi nội đồng... cung cấp giống cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

2. Tình hình hoạt động của HTX (01/7/2013 đến 31/12/2016)

2.1 Số lượng HTX nông nghiệp

- Trên địa bàn tỉnh có 30 HTX nông nghiệp đang hoạt động đã được kiện toàn, chuyển đổi, thành lập mới theo Luật HTX năm 2012 (*thành lập mới được 02 HTX*).

- Số HTX nông nghiệp giải thể theo Luật HTX là 21 HTX, nguyên nhân: Các HTX hoạt động kém hiệu quả, hoạt động cầm chừng qua nhiều năm.

- Số thành viên trong 30 HTX nông nghiệp đã được kiện toàn, chuyển đổi là 3.020 người.

2.2 Hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp (tại thời điểm 31/12/2016)

- Hiệu quả hoạt động: Doanh thu bình quân năm 2016 về lĩnh vực nông, lâm nghiệp (*có 22 HTX*) khoảng 940 triệu đồng/HTX/năm. Doanh thu bình quân năm 2016 về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (*có 05 HTX*) khoảng 245 triệu đồng/HTX/năm.

- Về lĩnh vực hoạt động dịch vụ: Tưới tiêu, làm đất, bảo vệ thực vật, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; cung cấp vật tư nông nghiệp; khuyến nông, khuyến ngư; chế biến tiêu thụ sản phẩm; vệ sinh môi trường; ngành nghề nông thôn; dịch vụ thú y.

- Về trình độ cán bộ quản lý HTX nông nghiệp: Tổng số cán bộ quản lý HTX là 210 người, trong đó: Trình độ sơ cấp, trung cấp 22 người (*chiếm 10,5%*); chưa qua đào tạo 188 người (*chiếm 89,5%*).

- Chất lượng HTX nông nghiệp: Năm 2016, số HTX loại khá, giỏi là 21 HTX (*chiếm 77,8%*); số HTX trung bình là 4 HTX (*chiếm 14,8%*); số HTX loại yếu là 2 HTX (*chiếm 7,4%*).

3. Đánh giá kết quả hoạt động HTX nông nghiệp

Tính đến 30/8/2017, trong lĩnh vực nông nghiệp có 30 HTX đang hoạt động, trong đó có 25 HTX hoạt động trong các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi và các dịch vụ phục vụ nông nghiệp (*chiếm 83,3%*), 05 HTX nuôi trồng thủy sản (*chiếm 16,6%*). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh mỗi năm thành lập mới từ 4-5 HTX, tuy nhiên số lượng HTX nông nghiệp giải thể vì hoạt động kém hiệu quả khoảng 2-3 HTX/năm nên về tổng số HTX nông nghiệp tăng trung bình khoảng 1-2 HTX/năm,

không tăng nhiều hơn so với thời điểm trước khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực thi hành.

- Về thành viên và hoạt động của HTX: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có hơn 3.020 thành viên HTX nông nghiệp, trong đó chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở khu vực nông thôn. Giá trị sản xuất, kinh doanh khoảng 1,0 tỷ đồng/HTX. Lợi nhuận bình quân khoảng 200 triệu đồng/HTX/năm; thu nhập bình quân của các thành viên và người lao động ước đạt trên dưới 1,0 triệu đồng/người/tháng. Đa số các HTX nông nghiệp hiện nay thực hiện các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt ở nông thôn (*thấp nhất là 3, nhiều nhất là 16 dịch vụ*), bao gồm: Cung ứng các dịch vụ đầu vào (*giống, vật tư, phân bón, tưới tiêu ...*), bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; quản lý và khai thác cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thực hiện liên kết với các doanh nghiệp để đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản. Một số HTX nông nghiệp có sự đổi mới về phương thức hoạt động, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện liên kết với các doanh nghiệp, do đó đã nâng cao được hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, thu nhập của các thành viên và khẳng định được vai trò kinh tế hợp tác cho các hộ gia đình thành viên.

- Về tình hình vốn, quỹ của các HTX nông nghiệp: Nhìn chung các HTX nông nghiệp đều thiếu vốn để sản xuất, kinh doanh. Mức vốn trung bình của các HTX đều thấp và chủ yếu là vốn tài sản cố định đã sử dụng lâu năm như nhà xưởng, nương máng, trạm bơm, máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp khác đã xuống cấp, lạc hậu. Các HTX nông nghiệp thường rất khó tiếp cận được với nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng do không có tài sản thế chấp, hoạt động sản xuất kinh doanh rủi ro cao, sổ sách kế toán chưa minh bạch và chưa xây dựng được các phương án kinh doanh khả thi.

- Những hạn chế chính:

+ Về tổ chức lại HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012 còn chậm, tính đến ngày 01/7/2017 mới thực hiện xong việc chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012, phần lớn các HTX đăng ký lại hoạt động còn mang tính hình thức. Do đó, phần lớn các HTX nông nghiệp hiện nay chưa có sự thay đổi về phương thức hoạt động, tư duy hoạt động còn nặng về hành chính, bao cấp theo phương thức HTX kiểu cũ;

+ Đa số các HTX nông nghiệp hiện nay mới chỉ tập trung vào các dịch vụ đầu vào cho sản xuất nông nghiệp như: Cung ứng giống, vật tư, phân bón, bảo vệ thực vật, thủy lợi nội đồng...; các dịch vụ khác như: Bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm... chưa được quan tâm, số HTX thực hiện việc bao tiêu nông sản cho nông dân còn ít, hiện có khoảng 10% số HTX thực hiện việc bao tiêu một phần nông sản cho nông dân. Vì vậy, các HTX còn chưa hỗ trợ nhiều cho việc gia tăng sản lượng và giá trị của sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, còn một số HTX được hình thành không đúng bản chất, quy định của Luật HTX năm 2012, chủ yếu thành lập để được hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước;

+ Nhiều HTX nông nghiệp còn lúng túng trong định hướng hoạt động và đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, chưa có sản phẩm dịch vụ tốt để đáp ứng nhu

cầu sản xuất hàng hóa; thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa HTX với thành viên; nguồn vốn ít, doanh thu thấp nên hiệu quả hoạt động chưa cao, một số hoạt động còn mang tính hình thức. Do hiệu quả hoạt động hạn chế, lợi ích mang lại cho thành viên chưa cao nên người nông dân chưa hăng hái tham gia, gắn bó với HTX;

+ Hiện nay nhu cầu liên kết là rất lớn, tuy nhiên số lượng các HTX thực hiện liên kết được với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm còn chưa nhiều. Người nông dân đa số vẫn phải “tự làm, tự bán”, dẫn đến rủi ro trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và giảm thiểu thu nhập của người dân.

- Nguyên nhân của những khó khăn:

+ Tình hình vốn, quỹ của các HTX nông nghiệp còn khó khăn, mức vốn bình quân của các HTX nông nghiệp thấp và chủ yếu là vốn tài sản cố định đã sử dụng lâu năm, nhà xưởng và thiết bị xuống cấp, lạc hậu. Đa số các HTX nông nghiệp thiếu vốn để sản xuất, kinh doanh; các HTX nông nghiệp rất khó tiếp cận được với nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, trong khi đó việc huy động vốn từ thành viên rất khó khăn, gây ảnh hưởng đến năng lực sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của HTX. Nhiều HTX thiếu chủ động, trông đợi vào sự hỗ trợ của nhà nước;

- Chất lượng nguồn nhân lực của các HTX nông nghiệp còn chưa cao. Hiện nay, đa số cán bộ chủ chốt HTX nông nghiệp hiện có trình độ chuyên môn nghiệp vụ hạn chế, ít được đào tạo. Tư duy phát triển sản xuất kinh doanh chưa theo kịp với sự phát triển của cơ chế thị trường, thiếu tính nhạy bén và năng động trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh.

II. KẾ HOẠCH ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ phát triển HTX và THT trong nông nghiệp nhằm tác động trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, liên kết vào sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho các thành viên HTX, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Phân đầu đến năm 2020 có trên 55 HTX nông nghiệp, trong đó: 40 HTX hoạt động đạt loại khá; 15 HTX hoạt động đạt mức trung, không có HTX yếu kém.

- Tốc độ tăng doanh thu bình quân hàng năm đạt 11%, đến năm 2020 tổng doanh thu HTX nông nghiệp đạt 110 tỷ đồng, doanh thu bình quân HTX 2 tỷ đồng/HTX/năm.

- Thu nhập bình quân của người lao động trong HTX nông nghiệp đạt 44 triệu đồng/năm.

- Cán bộ làm công tác quản lý HTX có trình độ cao đẳng, đại học trên 60% và 100% cán bộ HTX được tham gia các tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quản lý.

- Thu hút trên 80% hộ sản xuất nông nghiệp, nông thôn tham gia ít nhất một dịch vụ của HTX nông nghiệp.

III. NỘI DUNG ĐỔI MỚI PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC TRONG NÔNG NGHIỆP

1. Tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực về kinh tế hợp tác

a) Bồi dưỡng nguồn nhân lực cho HTX nông nghiệp và THT

- Đối tượng: Thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc HTX; thành viên Ban kiểm soát, kiểm soát viên; kế toán trưởng; cán bộ quản lý khác của HTX, tổ trưởng và các thành viên ban điều hành của THT.

- Nội dung tập huấn, bồi dưỡng:

+ Giải pháp giúp nâng cao vai trò của HTX trong nông nghiệp đối với việc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;

+ Các nguyên tắc, giá trị, tổ chức và hoạt động của HTX; những nội dung của Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan đến các HTX trong nông nghiệp;

+ Cách thực hiện các chính sách, hỗ trợ của nhà nước đối với các HTX trong nông nghiệp;

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm của HTX một cách khoa học;

+ Xây dựng các dự án sản xuất kinh doanh đơn giản, quy mô nhỏ của HTX, đánh giá hiệu quả và tổ chức thực hiện dự án;

+ Quản trị tài chính trong HTX, xây dựng Quy chế quản lý tài chính của HTX; khả năng phân tích, dự báo và lập kế hoạch tài chính HTX và một số nguyên tắc cơ bản khi ra quyết định tài chính;

+ Hướng dẫn các quy định về chính sách thuế liên quan đến HTX trong nông nghiệp;

+ Nắm được các nguyên tắc cơ bản và nội dung chính các chứng từ kế toán của HTX; hệ thống sổ sách, tài khoản và báo cáo kế toán; các hoạt động kế toán và tổ chức công tác kế toán của HTX;

+ Công tác thống kê; những kiến thức cơ bản về thống kê và những nội dung cần thống kê trong hoạt động của HTX;

+ Trang bị kiến thức cơ bản về tổ chức, quản lý dịch vụ nông nghiệp trong HTX; những kỹ năng cơ bản để thực hiện nghiệp vụ tổ chức, quản lý dịch vụ; thay đổi nhận thức và thái độ thực hiện dịch vụ của cán bộ quản lý HTX; trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý các hoạt động dịch vụ trong HTX;

+ Tập huấn cho Ban kiểm soát HTX nắm chắc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành; nội dung và cách thức tiến hành các công việc thuộc trách nhiệm của Ban kiểm soát; cách thức, nội dung lập các báo

cáo kiểm soát HTX; một số vướng mắc thường gặp và cách khắc phục đối với công tác kiểm soát HTX.

(Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho HTX và THT tại Phụ lục 1 kèm theo)

b) Thành lập mới HTX nông nghiệp, tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh HTX nông nghiệp

- Đối tượng: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập HTX hoặc tham gia HTX (có văn bản đề nghị được hỗ trợ thành lập mới HTX).

- Nội dung:

+ Tư vấn, cung cấp các thông tin, tập huấn quy định pháp luật HTX trước khi thành lập HTX cho sáng lập viên. Dự kiến mở 02 lớp; 60 người tham dự;

+ Tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh HTX nông nghiệp, hướng dẫn các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX theo Luật HTX năm 2012 (có văn bản đề nghị được hỗ trợ thành lập mới HTX nông nghiệp). Dự kiến mở 02 lớp; 60 người tham dự.

(Nhu cầu tư vấn cho các HTX và THT tại Phụ lục 2 kèm theo)

2. Thí điểm mô hình tuyển dụng trí thức trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX

- Tuyển dụng trí thức trẻ đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX, thời hạn hỗ trợ không quá 36 tháng; với số lượng 30 người/30 HTXNN.

(Nhu cầu tuyển dụng cho các HTX và THT tại Phụ lục 3 kèm theo)

3. Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác về cơ sở hạ tầng

- Đối tượng: HTX nông nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên có hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Nội dung:

+ Xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, điện, nước sinh hoạt, chợ, công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, cửa hàng vật tư nông nghiệp,;

+ Giao thông nội đồng;

+ Công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi thủy sản.

(Nhu cầu hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho các HTX và THT tại Phụ lục 4 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực về kinh tế hợp tác: 1.619 triệu đồng

a) Bồi dưỡng nguồn nhân lực cho HTX nông nghiệp và THT

Nguồn kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của HTX: Ngân sách trung

ương hỗ trợ 100% kinh phí bằng nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để các địa phương thực hiện theo mục 1 Điều 4 Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính

- Vai trò của HTX trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới: $04 \text{ lớp} \times 15.590.000 \text{ đồng/lớp} = 62.360.000 \text{ đồng}$.

- Luật HTX năm 2012: $02 \text{ lớp} \times 38.790.000 \text{ đồng/lớp} = 77.580.000 \text{ đồng}$.

- Chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp: $04 \text{ lớp} \times 38.970.000 \text{ đồng/lớp} = 155.880.000 \text{ đồng}$.

- Xây dựng kế hoạch hàng năm của HTX: $04 \text{ lớp} \times 50.070.000 \text{ đồng/lớp} = 200.280.000 \text{ đồng}$.

- Xây dựng dự án sản xuất, kinh doanh trong HTX: $04 \text{ lớp} \times 50.930.000 \text{ đồng/lớp} = 203.720.000 \text{ đồng}$.

- Quản trị tài chính và các phương pháp huy động vốn trong HTX: $02 \text{ lớp} \times 50.930.000 \text{ đồng/lớp} = 101.860.000 \text{ đồng}$.

- Thuế đối với các HTX trong nông nghiệp: $02 \text{ lớp} \times 27.190.000 \text{ đồng/lớp} = 54.380.000 \text{ đồng}$.

- Công tác kế toán trong HTX: $02 \text{ lớp} \times 50.070.000 \text{ đồng/lớp} = 100.140.000 \text{ đồng}$.

- Công tác thống kê trong HTX: $02 \text{ lớp} \times 50.930.000 \text{ đồng/lớp} = 100.860.000 \text{ đồng}$.

- Tổ chức, quản lý các hoạt động dịch vụ trong HTX, THT: $04 \text{ lớp} \times 50.930.000 \text{ đồng/lớp} = 203.720.000 \text{ đồng}$.

- Công tác kiểm soát trong HTX: $04 \text{ lớp} \times 50.070.000 \text{ đồng/lớp} = 200.280.000 \text{ đồng}$.

b) Hỗ trợ thành lập mới HTX nông nghiệp, tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh HTX nông nghiệp

Nhằm hỗ trợ thành lập mới HTX, đăng ký thay đổi theo quy định của Luật HTX năm 2012 và hỗ trợ tổ chức lại hoạt động của HTX nhằm đảm bảo theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Tư vấn, cung cấp các thông tin, tập huấn quy định pháp luật HTX: $02 \text{ lớp} \times 27.190.000 \text{ đồng/lớp} = 54.380.000 \text{ đồng}$;

- Tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh HTX nông nghiệp, hướng dẫn các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX theo Luật HTX năm 2012: $02 \text{ lớp} \times 50.930.000 \text{ đồng/lớp} = 101.860.000 \text{ đồng}$.

2. Thí điểm mô hình đưa trí thức trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở 30 HTX: $30 \text{ người} \times 2.700.000 \text{ đồng/tháng} \times 36 \text{ tháng} = 2.916.000.000 \text{ đồng}$.

3. Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác về cơ sở hạ tầng: 15.350 triệu đồng

- Xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, điện, nước sinh hoạt, chợ, công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, cửa hàng vật tư nông nghiệp: 18 HTX nông nghiệp x 500 triệu đồng = 9.000 triệu đồng.

- Giao thông nội đồng: 10 HTX nông nghiệp x 400 triệu đồng = 4.000 triệu đồng.

- Công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi thủy sản: 5 HTXNN x 470 triệu đồng = 2.350 triệu đồng

4. Tổng kinh phí (1+2+3): 19.885 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 16.658 triệu đồng

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 156 triệu đồng để hỗ trợ thành lập mới HTX, đăng ký thay đổi theo quy định của Luật HTX năm 2012 và hỗ trợ tổ chức lại hoạt động của HTX nhằm đảm bảo theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Nguồn vốn đối ứng của HTX nông nghiệp: 3.070 triệu đồng.

- Phân kỳ hàng năm:

+ Năm 2017: 3.203 triệu đồng;

+ Năm 2018: 5694,9 triệu đồng;

+ Năm 2019: 6024 triệu đồng;

+ Năm 2020: 4.964 triệu đồng.

(dự toán chi tiết kèm theo Tờ trình số 183/TTr-SNN-KH ngày 19/9/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

a) Ngân sách Trung ương

- Bảo đảm cho các hoạt động tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực về kinh tế hợp tác (ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% kinh phí bằng nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để các địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX; thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác về cơ sở hạ tầng (Theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020)

b) Ngân sách tỉnh

Hỗ trợ thành lập mới HTX nông nghiệp, tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh HTX nông nghiệp (Theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020).

c) Vốn đối ứng của HTX nông nghiệp

Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác về có chế cơ sở hạ tầng, ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư của dự án, HTX đóng góp tối thiểu 20% tổng mức đầu tư của dự án (Theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

- Chỉ đạo Chi cục Phát triển nông thôn:

- + Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX và thành viên HTX nông nghiệp về chuyên môn nghiệp vụ; phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, hỗ trợ thí điểm đưa cán bộ trẻ về làm việc tại HTX, triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác về có chế cơ sở hạ tầng theo kế hoạch được giao;

- + Xây dựng một số mô hình HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp, mô hình liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ hàng hóa nông nghiệp phù hợp với từng vùng, từng ngành hàng nông sản.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan, trên cơ sở mức vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm, xem xét, cân đối, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí để thực hiện các nội dung tại kế hoạch, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan hướng dẫn cho các đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí triển khai thực hiện Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020 theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

4. Liên minh HTX tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch, chương trình, tuyên truyền, tư vấn hỗ trợ

thành lập mới HTX, mở các lớp đào tạo tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ quản lý, thành viên HTX.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu các sản phẩm của HTX nông nghiệp thông qua các chương trình Hội chợ kích cầu thương mại trong và ngoài tỉnh, nhằm nâng cao chuỗi giá giá trị hàng hóa nông nghiệp của tỉnh theo quy định hiện hành.

6. Hội Nông dân tỉnh

Tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đến các hội viên trên địa bàn tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về HTX trên địa bàn; tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đổi mới, phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2017-2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Hằng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Lồng ghép các nguồn vốn để triển khai các mô hình kinh tế hợp tác trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là mô hình liên kết gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế.

- Rà soát quy hoạch, dành quỹ đất cho các HTX để xây dựng trụ sở, mặt bằng sản xuất kinh doanh; trên cơ sở các chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể và yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn, chủ động bổ sung các chính sách, quy định của địa phương nhằm khuyến khích thành lập và phát triển các HTX.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tổ chức phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về chủ trương, chính sách, pháp luật đối với phát triển kinh tế tập thể.

Trên đây là Kế hoạch đổi mới, phát triển các HTX nông nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ NN và PTNT (b/c);
- Liên minh HTX Việt Nam (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Cục KHTT và PTNT - Bộ NN và PTNT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Liên minh HTX tỉnh;
- VP UBND tỉnh; CVP, PVP (KT);
- Lưu VT, KTS. *lnt*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục 1

Tổng hợp nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cho HTX và THT
(Kèm theo Kế hoạch số 2694/KH-UBND ngày 06 10 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Nội dung	Số lớp	Số người	Phân khai giai đoạn 2017 -2020			
				2017	2018	2019	2020
1	Vai trò của HTX trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	4	120	30	30	30	30
2	Luật HTX năm 2012	2	60	30	30		
3	Chính sách phát triển HTX trong nông nghiệp	4	120	30	30	30	30
4	Xây dựng kế hoạch hàng năm trong HTX	4	120	30	30	30	30
5	Xây dựng dự án sản xuất, kinh doanh trong HTX	4	120	30	30	30	30
6	Quản trị tài chính và các phương pháp huy động vốn trong HTX	2	60	30	30		
7	Thuế đối với các HTX trong nông nghiệp	2	60		30	30	
8	Công tác kế toán trong HTX	2	60		30	30	
9	Công tác thống kê trong HTX	2	60		30		30
10	Tổ chức, quản lý các hoạt động dịch vụ trong HTX	4	120	30	30	30	30
11	Công tác kiểm soát trong HTX	4	120	30	30	30	30
Tổng cộng		34	1020	240	330	240	210

Chức

Phụ lục 2

Tổng hợp nhu cầu tư vấn cho các HTX và THT
(Kèm theo Kế hoạch số 2694/KH-UBND ngày 06/10/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Danh mục	Giai đoạn 2017 -2020			
		Số lớp	Số người	Số người học	
				2018	2019
1	Tư vấn, cung cấp các thông tin, tập huấn quy định pháp luật HTX	02	60	30	30
2	Tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh HTXNN, hướng dẫn các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX theo Luật HTX năm 2012	02	60	30	30
Tổng cộng		4	120	60	60

Chào



Phụ lục 3

Tổng hợp nhu cầu tuyển dụng cho các HTX và THT
(Kèm theo Kế hoạch số **2694** /KH-UBND ngày **06/10**/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Danh mục	Số HTX	Tri thức trẻ (người)	Số lao động hỗ trợ cho HTX giai đoạn 2017 -2020			
				2017	2018	2019	2020
1	Dự kiến hỗ trợ về lao động cho HTX nông nghiệp có trình độ cao đẳng trở lên	30	30	05	10	10	05

* Ghi chú: Hỗ trợ 01 tri thức trẻ/HTX nông nghiệp có trình độ cao đẳng trở lên để hỗ trợ quản trị, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh phù hợp với lĩnh vực hoạt động chính của HTX. *lưu*

Phụ lục 4

Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ cơ sở hạ tầng các HTX và THT

(Kèm theo Kế hoạch số **2694**/KH-UBND ngày **06** **10** 2017

của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Danh mục	HTX	Giai đoạn 2017 -2020			
			2017	2018	2019	2020
1	Xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, điện, nước sinh hoạt, chợ, công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, cửa hàng vật tư nông nghiệp	18	3	5	5	5
2	Giao thông nội đồng	10	1	3	3	3
3	Công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi thủy sản	5	1	1	2	1
	Tổng	33	5	9	10	9

hd

